

MỘT SỐ NÉT CHÍNH VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Ngày 16/01/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã cấp Quyết định Niêm yết số **16/QĐ-SGDHCM** cho phép Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (FORTEX) niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Theo dự kiến ngày 06/02/2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân sẽ chính thức giao dịch với mã chứng khoán là **FTM**. Để giúp quý độc giả có thêm thông tin, SGDCK TPHCM xin giới thiệu một số nét chính về lịch sử thành lập, quá trình hoạt động, những kết quả kinh doanh đáng chú ý của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân trong thời gian qua.

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Tên gọi: **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân**
Tên tiếng Anh: **Duc Quan Investment and Development Joint Stock Company**
Trụ sở chính: Lô A3 khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
Điện thoại: 0363.251 688 Fax: 0363.251 689
Website: www.fortex.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1000400095 do Sở KH&ĐT Tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 30/10/2006 và thay đổi lần thứ 10 ngày 26/07/2016.

Vốn Điều lệ: **500.000.000.000 đồng** (bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng).

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

• Năm 2006

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, tiền thân là Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình, được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo GCN ĐKKD lần đầu số 0802000861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp với mức VDL 50 tỷ đồng.

Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình được hình thành với sự góp vốn của các cá nhân Đỗ Tất Thành, Bùi Thị Hằng, Lê Mạnh Thường, Phạm Ngọc Toàn và Đỗ Đức Dũng. Mỗi thành viên sáng lập góp 20% VDL.

• Năm 2007

Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Công ty nhận được GCN Đầu tư số 08201000002 của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình chấp thuận cho Công ty thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi Đại Cường Thái Bình với quy mô công suất 4.500 tấn/năm tại Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh tỉnh Thái Bình. Diện tích đất sử dụng là 2,3 ha với tổng vốn đầu tư là 277 tỷ đồng.

• Từ năm 2008 đến năm 2011

Ngày 10 tháng 04 năm 2007 Công ty thay đổi cơ cấu góp vốn của cổ đông sáng lập và tăng VDL lên 80 tỷ đồng theo hình thức góp vốn bằng tiền.

• **Năm 2012**

Ngày 22 tháng 02 năm 2012 Công ty thay đổi cơ cấu góp vốn của cổ đông sáng lập và tăng VDL lên 150 tỷ đồng theo hình thức góp vốn bằng tiền.

• **Năm 2013 và năm 2014**

Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân theo GCN ĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2013.

Các cổ đông sáng lập là ông Lê Mạnh Thường chiếm 80% VDL, ông Phạm Ngọc Toàn và ông Phạm Thành Đông, mỗi thành viên chiếm 10% VDL.

Ngày 24 tháng 12 năm 2013, Công ty thành lập Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

• **Năm 2015**

Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành 2 lần tăng vốn:

+ Ngày 16/09/2015 Công ty tăng vốn thêm 280 tỷ đồng lên 430 tỷ đồng thông qua việc góp vốn bằng tài sản của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường.

+ Ngày 31/12/2015 Công ty tăng vốn lên thành 500 tỷ đồng thông qua việc góp vốn bằng tiền mặt trị giá 28,8 tỷ đồng và bằng tài sản trị giá 41,2 tỷ đồng.

• **Năm 2016**

Tại ngày 30/06/2016 Công ty đã tiến hành Đại hội cổ đông thông qua việc đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh và các thủ tục cần thiết khác liên quan.

Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau: (chi tiết trong BCB niêm yết)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tiền thân là Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần vào ngày 27 tháng 11 năm 2013 theo GCN ĐKDN số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp với vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 28/11/2016, Công ty đã thực hiện các lần thay đổi vốn điều lệ như sau:

| Lần | Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng) | Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng) | Hình thức phát hành | Cơ sở pháp lý |
|------------|---|---|---|---|--|
| 1 | 16/09/2015 | 280.000 | 430.000 | Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường | - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ tăng vốn; |

| | | | | | |
|---|------------|--------|---------|--|---|
| | | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy CNĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 8 ngày 16/09/2015; - Cơ quan chấp thuận Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình. |
| 2 | 31/12/2015 | 70.000 | 500.000 | <i>Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường</i> | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/12/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ tăng vốn; - Giấy CNĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 9 ngày 31/12/2015; - Cơ quan chấp thuận Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình. |

Công ty đã tăng vốn mạnh trong năm 2015 từ 150 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, bao gồm:

Tăng vốn đợt 1 ngày 16/09/2015 từ 150 tỷ lên 430 tỷ đồng thông qua việc tăng vốn dưới hình thức góp vốn bằng tài sản của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường bao gồm Phân xưởng 1 (19.000 Roto), Phân xưởng 2 (22.000 cọc) và nhà máy Tiền Hải (50.000 cọc).

Tăng vốn đợt 2 ngày 31/12/2015 từ 430 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng dưới hình thức góp vốn bằng tài sản, bao gồm nguyên vật liệu, phụ tùng tồn kho, hệ thống phần mềm quản lý có tổng giá trị là 41,2 tỷ đồng và tiền mặt để bổ sung vốn lưu động là 28,8 tỷ đồng của doanh nghiệp.

Các đợt phát hành của Fortex đều được thực hiện trong giai đoạn công ty chưa là công ty đại chúng. Ngày 30/12/2016, UBCKNN đã có công văn số 8641/UBCK-GSĐC chấp thuận Công ty Fortex trở thành công ty đại chúng.

2. Phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Công ty

Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ GCN ĐKKD số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006 và thay đổi lần thứ 10 ngày 26/07/2016, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|--------------|
| 1 | Sản xuất sợi | 1311 (Chính) |
| 2 | Sản xuất vải dệt thoi | 1312 |
| 3 | Hoàn thiện sản phẩm dệt | 1313 |
| 4 | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Chi tiết: Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc | 1321 |
| 5 | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) | 1322 |
| 6 | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1410 |

| | | |
|----|--|------|
| 7 | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú | 1420 |
| 8 | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc | 1430 |
| 9 | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép | 4641 |
| 10 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 11 | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ | 4210 |
| 12 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn sợi | 4669 |
| 13 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp | 4290 |
| 14 | Phá dỡ | 4311 |
| 15 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 16 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 17 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí | 4322 |
| 18 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 19 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 20 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 21 | Vận tải hàng hoá bằng đường bộ | 4933 |
| 22 | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu, khí dầu mỏ hoá lỏng và các sản phẩm liên quan, chiết nạp gas | 4661 |
| 23 | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm | 4651 |
| 24 | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông | 4652 |
| 25 | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất sản phẩm từ gỗ, gỗ công nghiệp | 1629 |
| 26 | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất bằng gỗ | 3100 |
| 27 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện | 4649 |
| 28 | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện | 4759 |
| 29 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy xây dựng, khai khoáng, may mặc | 4659 |
| 30 | Khai thác, xử lý và cung cấp nước | 3600 |

- **Cơ cấu cổ đông:**

Theo Sổ cổ đông chốt ngày **28/11/2016**, công ty có **318** cổ đông trong đó **04** cổ đông lớn nắm giữ **29.826.500** cổ phiếu chiếm **59,65%**; Cổ đông trong nước còn lại nắm giữ **20.173.500** cổ phiếu chiếm **40,35%**; Công ty không có cổ đông nước ngoài.

3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Sản lượng sản phẩm/ giá trị dịch vụ qua các năm

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân hiện đang quản lý và khai thác 3 nhà máy sợi trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Với 19.000 roto và 110.000 cọc sợi, Công ty có năng lực sản xuất lên đến 16.940 tấn sợi/năm.

❖ Các sản phẩm chính:

- Sợi CD có chỉ số từ 20 đến 60: là loại sợi 100% cotton chải thô, có tính năng hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người và thường dùng để dệt các loại vải mềm trong lĩnh vực may mặc.

- Sợi CM có chỉ số Ne từ 20 đến 60: là loại sợi 100% cotton chải kỹ và thường dùng để dệt các loại vải mềm trong lĩnh vực may mặc.

- Sợi CVC có chỉ số Ne từ 30 từ 50: là loại sợi pha tỷ lệ 40% polyester và 60% cotton chải kỹ. Do có thành phần cotton cao, có khả năng hút ẩm nên sản phẩm sợi này được dùng trong lĩnh vực may mặc.

- Sợi T/CM: là sợi có thành phần 65% polyeste và 35% cotton được chải kỹ, dễ giặt sạch, là ủi và nhanh khô được sử dụng trong dệt vải quần áo may mặc ngoài trời, quần áo thể thao

- Sợi PE có chỉ số sợi từ Ne 20 đến 60 là loại sợi có thành phần 100% polyeste, có khả năng cường lực tốt, nhanh khô và khi dệt tạo nên mặt vải sáng đẹp thường được dùng để dệt các loại vải gia dụng như khăn trải bàn ghế, vải sofa, rèm cửa, thảm ...

Chất lượng các sản phẩm sợi và thương hiệu Công ty đạt tiêu chuẩn quốc tế, phù hợp với các điều kiện khắt khe của nhiều thị trường. Thương hiệu sợi Fortex đã được xuất hiện tại nhiều thị trường như Trung Quốc, Hồng Kong, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, Châu Âu, ...

❖ Sản lượng sản phẩm/giá trị qua các năm:

Sản xuất sợi thành phẩm là hoạt động chính của Công ty, chiếm hơn 60% doanh thu và 50% lợi nhuận trong năm 2014. Tuy nhiên, hoạt động này có sự dịch chuyển trong năm 2015 khi Công ty vừa tự sản xuất sợi và vừa thuê gia công sợi (50% doanh thu đến từ sợi tự sản xuất, 27% doanh thu đến sợi thuê bên thứ ba gia công), hai hoạt động này chiếm 88% lợi nhuận gộp của Công ty. Bên cạnh việc sản xuất sợi thành phẩm, Công ty còn kinh doanh thương mại nguyên liệu đầu vào gồm bông cotton và xơ polyester với các doanh nghiệp trong nước như Dệt sợi Đạm San, Công ty TNHH TM Hoàng Khang Gia, Công ty TNHH TM Tân Phát... Hoạt động này chiếm tỷ trọng khá lớn, khoảng 30% trong tổng doanh thu của Công ty.

Ngoài ra phế phẩm đầu ra của quá trình sản xuất sợi bao gồm bông polas, bông thu hồi từ hệ thống điều không của các nhà máy được quay lại sản xuất hoặc bán ra bên ngoài cho các nhà máy sản xuất khăn bông, bít tất, sản xuất vải địa kỹ thuật ...

Cơ cấu sản lượng sản phẩm tiêu thụ

Đơn vị: kg

| Sản phẩm | Đơn vị | Năm 2014 | Năm 2015 |
|----------------------------------|--------|-----------|------------|
| Sợi các loại đã quy về chỉ số 32 | Kg | 4.694.520 | 13.090.408 |
| Bông cotton | Kg | 3.814.918 | 5.502.473 |
| Xơ Polyester | Kg | 1.741.461 | 298.800 |
| Đay | Kg | 123.583 | - |
| Bông Polas | Kg | - | - |
| Phế liệu thu hồi | Kg | 429.486 | 857.584 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

❖ Cơ cấu doanh thu và cơ cấu chi phí qua các năm

Cơ cấu doanh thu thuần

Cơ cấu doanh thu theo thị trường cho thấy Công ty đang có xu hướng chuyển dịch sang xuất khẩu nhiều hơn. Tỷ lệ xuất khẩu của Công ty đã tăng lên 77% trong năm 2015, gấp gần 7 lần so với số liệu 11,6% trong năm 2013. Sản phẩm sợi của Công ty được tiêu thụ tại thị trường nội địa và xuất khẩu sang Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc ... Tuy nhiên, thị phần tại các thị trường có sự dịch chuyển đáng kể do ảnh hưởng của chính sách nhập khẩu, thuế nhập khẩu, cụ thể như sau:

Cơ cấu doanh thu sợi theo thị trường

Đơn vị: triệu đồng

| Sợi các loại | Năm 2014 | Tỷ trọng | Năm 2015 | Tỷ trọng |
|----------------------|----------------|-------------|----------------|-------------|
| Nội địa | 176.912 | 34% | 173.502 | 23% |
| Xuất khẩu | 336.888 | 66% | 580.149 | 77% |
| <i>Trung Quốc</i> | <i>283.344</i> | <i>55%</i> | <i>541.677</i> | <i>72%</i> |
| <i>Hồng Kông</i> | <i>34.284</i> | <i>7%</i> | - | - |
| <i>Châu Âu</i> | <i>14.163</i> | <i>3%</i> | <i>8.977</i> | <i>1%</i> |
| <i>Thổ Nhĩ Kỳ</i> | - | - | - | - |
| <i>Quốc gia khác</i> | <i>5.097</i> | <i>1%</i> | <i>29.495</i> | <i>4%</i> |
| Tổng cộng | 513.800 | 100% | 753.651 | 100% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Hoạt động thương mại nguyên vật liệu đầu vào bông cotton, xơ polyester chủ yếu được bán cho các doanh nghiệp, hộ gia đình dệt sợi trong nước. Tuy nhiên, Công ty đã giảm dần tỷ trọng hoạt động thương mại này nhằm giảm nhu cầu vốn lưu động do nhập khẩu bông.

Cơ cấu chi phí

Cơ cấu chi phí kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

| | Năm 2014 | | Năm 2015 | |
|-------------------|----------------|-------|----------------|-------|
| | Giá trị | % DTT | Giá trị | % DTT |
| Giá vốn hàng bán | 761.059 | 90,7% | 842.833 | 87,5% |
| Chi phí tài chính | 29.680 | 3,5% | 37.346 | 3,9% |
| Chi phí bán hàng | 6.250 | 0,7% | 9.155 | 1,0% |
| Chi phí QLDN | 6.765 | 0,8% | 17.332 | 1,8% |
| Tổng cộng | 803.754 | | 906.666 | |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

4. Nguyên vật liệu chính

Nguyên liệu đầu vào chính là bông cotton, chiếm 70% giá trị thành phẩm, được nhập khẩu hoàn toàn do đó giá nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Nguyên liệu bông cotton được trồng tự nhiên nên mang tính mùa vụ, ví dụ bông Tây Phi có vụ mùa từ tháng 2 đến tháng 4, bông Đông Phi mùa vụ từ tháng 5 đến tháng 8, bông Mỹ từ tháng 10 đến tháng 12 hàng năm. Do đó, giá cả và chất lượng bông cotton phụ thuộc nhiều vào mùa vụ, sản lượng thu hoạch, thời điểm giao hàng hay chính sách bán/ xuất khẩu bông của các nước trồng bông lớn trên thế giới (Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ ...). Giá bông có thể thay đổi nhanh chóng theo ngày do đây là hàng hóa kỳ hạn nên chịu ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố về niềm tin, chính sách...

Việc tăng hay giảm số lượng từng loại nguyên liệu căn cứ vào định hướng thị trường (bán hàng) và kế hoạch sản xuất do phòng Kinh doanh – Xuất nhập khẩu và phòng Kế hoạch đưa ra. Công ty duy trì chính sách tồn kho cho một tháng sản xuất, đối với hoạt động thương mại, khối lượng đặt hàng sẽ phụ thuộc vào việc dự đoán thị trường và hạn mức vốn vay lưu động còn lại.

Công ty thường xuyên nhập khẩu nguyên liệu từ một đến hai nhà cung cấp với số lượng thường xuyên, ổn định, có thể cam kết nhập số lượng nhất định tùy vào từng nhà cung cấp. Các nhà cung cấp khác mua với số lượng nhỏ hoặc không thường xuyên, chủ yếu bù vào số lượng khi nhà cung cấp chính không thể cung cấp, hoặc giá cạnh tranh hơn hoặc khi tăng năng suất nhà máy cần bổ sung thêm nguyên liệu đầu vào....

5. Trình độ công nghệ

Trình độ công nghệ và hệ thống máy móc thiết bị của công ty đều ở trình độ hiện đại của công nghệ kéo sợi, chủ yếu là máy móc thế hệ mới được nhập khẩu của các hãng cung cấp thiết bị uy tín. So với các doanh nghiệp khác, Fortex có ưu điểm là các hệ thống tự

động hóa so với nhiều doanh nghiệp kéo sợi hiện nay còn dùng thiết bị công nghệ lạc hậu sản xuất những năm 80-90 của thế kỷ trước.

Một số máy móc thiết bị của Công ty tại Nhà máy số 3

| STT | Máy móc | Số lượng | Xuất xứ | Năm sản xuất |
|------------|--|-------------------|-------------------|--------------|
| 1 | Hệ thống dây cung bông | | | |
| 1.1 | Dây cung bông | | | |
| | Đầu xé Rieter A11 | 01 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| | Máy xé sơ bộ Rieter B12 | 01 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| | Máy lọc kim loại Jossi | 01 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| | Máy trộn Rieter B71 | 02 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| | Máy xé mịn Rieter B60 | 02 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| | Máy lồng tự Rieter A21 | 02 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| 1.2 | Máy lọc sơ ngoại lai Jossi | 02 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| 1.3 | Máy chải thô | | | |
| | Lakshmi LC 300A-V3 | 02 máy | Ấn Độ | 2009 |
| | Rieter C60S | 13 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| 2 | Máy ghép | | | |
| 2.1 | Máy ghép 1 | | | |
| | FA306A | 01 máy | Trung Quốc | 2009 |
| | Rieter SB-D11 | 05 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| | Máy cuộn cúi omegalap 111 Rieter E35 | 02 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| | Máy chải kỹ Rieter E66 | 14 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| 2.2 | Máy ghép 2 | | | |
| | Toyota DX8 | 01 máy | Nhật Bản | 2009 |
| | Rieter RSB-D40 | 06 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| 3 | Máy sợi thô HY492C | 11 máy | Trung Quốc | 2009 |
| 4 | Máy sợi con Rieter G35 | 28 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| 5 | Máy đánh ống Muratec No.21C | 11 máy | Nhật Bản | 2009 |
| 6 | Hệ thống điều không | 1 hệ thống | Trung Quốc | 2009 |
| 7 | Thiết bị phòng thí nghiệm | | | |
| | Máy Uster Tester 5 | 01 máy | Thụy Sỹ | 2009 |
| | Máy quay sợi con. sợi ống Lishi YG086D | 01 máy | Trung Quốc | 2009 |
| | Cân điện tử TX223L | 01 máy | Trung Quốc | 2009 |
| | Máy đo độ bền sợi thô Asano No.1916 | 01 máy | Nhật Bản | 2009 |
| | Máy quay bảng đen Lishi YG381A | 01 máy | Trung Quốc | 2009 |
| | Cân điện tử Xingyun | 01 máy | Trung Quốc | 2009 |
| | Máy sấy Y802 | 01 máy | Trung Quốc | 2006 |

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

6. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Công ty có bộ phận Kỹ thuật tại các nhà máy chuyên thực hiện nghiên cứu phát triển sản xuất các loại sợi mới hoặc nghiên cứu các biện pháp quản lý kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động của máy móc thiết bị hoặc nâng cao chất lượng sản phẩm.

7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Với mục tiêu hiệu quả trong hoạt động sản xuất và đảm bảo sự phát triển bền vững. Công ty đang nghiên cứu tiên khả thi để đưa vào áp dụng hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP (Enterprise Resource Planning - Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) của SAP. Ngoài ra, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 cũng được áp dụng trong hoạt động của Công ty.

Quy trình kiểm tra chất lượng

| Lưu đồ | Mô tả chi tiết | Người th.hiện | Yêu cầu | Biểu mẫu |
|------------------------------|--|---------------|--------------------------------------|---------------|
| Lấy mẫu kiểm tra chất lượng | QLCL các nhà máy theo chu kỳ đã qui định lấy mẫu kiểm tra chất lượng | QL CL nhà máy | Theo qui định lấy mẫu | |
| Kiểm tra chất lượng | Bộ phận QLCL nhà máy kiểm tra các chỉ tiêu qui định có thiết bị kiểm tra tại nhà máy. Bộ phận QM trung tâm kiểm tra các chỉ tiêu có thiết bị tại trung tâm. | QL CL nhà máy | Theo qui định về kiểm tra chất lượng | Sổ kết quả TN |
| Xử lý kết quả | Đối với các kết quả không đạt chất lượng phải thực hiện hiệu chỉnh (báo PM theo qui trình xử lý máy không đạt chất lượng nếu cần) sau đó lấy lại mẫu đến khi đạt mới thôi. | QL CL nhà máy | Theo tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng | Sổ kết quả TN |
| Ghi nhận chất lượng trên SAP | Tất cả các kết quả số liệu của mỗi lần thực hiện đều được ghi nhận ngay lên hệ thống SAP sau khi thí nghiệm | QL CL nhà máy | | |
| Lưu hồ sơ | Lưu kết quả kiểm tra | QL CL nhà máy | | Sổ kết quả TN |

Song song với việc đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, Công ty còn đầu tư trung tâm kiểm soát chất lượng với thiết bị kiểm soát chất lượng USTER 5 và đội ngũ kỹ sư lâu năm nhiều kinh nghiệm.

8. Hoạt động Marketing

Hiện tại, Công ty đang duy trì mạng lưới khách hàng nội địa truyền thống thông qua các chính sách ưu đãi thương mại khi bán hàng, hội nghị khách hàng lớn hàng năm.

Đối với mạng lưới khách hàng nước ngoài, Công ty sử dụng mạng lưới bán hàng online trên các website nước ngoài như Alibaba, Google. Đồng thời, Công ty cũng tham gia vào hiệp hội bông sợi Việt Nam. Hiệp hội bông sợi Mỹ ...

Năm 2013, Công ty chính thức được gia nhập Chương trình chuỗi cung ứng của Hiệp hội Bông Mỹ (CCI) nhằm tận dụng các chính sách ưu đãi khi nhập khẩu bông có xuất xứ từ Mỹ, phát triển mạng lưới đối tác và tham gia các chương trình quảng bá sản phẩm/ xúc tiến thị trường quốc tế do Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) tài trợ. Đây cũng là một trong những thị trường quan trọng mà Công ty hướng tới nhằm đón đầu Hiệp định TPP.

9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân đã đăng ký và được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 211203 có hiệu lực từ năm 2013 đến năm 2022. Biểu tượng của Công ty:



10. Vị thế của Công ty trong ngành

❖ Vị thế của Công ty trong ngành

Theo thống kê của Hiệp hội Bông sợi Việt Nam (VCOSA), tính đến cuối năm 2013. ngành dệt may có hơn 100 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kéo sợi cho tổng sản lượng 720.000 tấn, với 6,1 triệu cọc sợi và chiếm 2,1% năng lực sản xuất của thế giới (250 triệu cọc). Thị trường cung ứng xơ sợi của Việt Nam hiện nay có thể chia làm 3 nhóm chính bao gồm (i) các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam (ii) các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và (iii) các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức sở hữu hệ thống cơ sở vật chất khá tốt, là một trong những đơn vị sở hữu số lượng cọc sợi lớn của khu vực miền Bắc, hệ thống máy móc được đầu tư nhập khẩu mới từ 2014 – 2016 với tỷ lệ tự động hóa cao.

Thông tin về các doanh nghiệp trong cùng ngành

| | Số cọc sợi | Sản lượng (tấn/năm) | Doanh thu | LNST | VCSH | ROE |
|-------------------|------------|---------------------|-----------|--------|---------|--------|
| Dệt may Huế | 60.000 | 12.000 | 1.480.822 | 44.064 | 139.218 | 31,65% |
| Dệt may Thăng Lợi | 90.000 | 8.000 | 171.465 | 5.412 | 46.071 | 11,75% |
| Sợi Trà Lý | 46.000 | 6.480 | | | | N/A |
| Sợi Đam San | | 18.600 | 1.431.000 | 37.490 | | N/A |
| Sợi Thế Kỷ | | 52.000 | 1.035.487 | 71.321 | 689.777 | 10,3% |

| | | | | | | |
|-------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| Sợi Thiên Nam | 173.000 | 33.600 | | | | |
| Sợi Fortex | 102.000 | 16.870 | 963.106 | 69.881 | 529.755 | 13,19% |

Nguồn: Số liệu khảo sát doanh nghiệp của BVSC

Tính đến thời điểm hiện tại, mới chỉ có 04 doanh nghiệp đã từng đại chúng là CTCP Dệt sợi Đam San, CTCP Sợi Trà Lý, CTCP Sợi Thế Kỷ và Công ty Cổ phần Dệt Phú Bài. Tuy nhiên, CTCP Dệt Sợi Thế Kỷ lại thuộc nhóm sợi nhân tạo là sản phẩm dầu khí – sợi filament. Ngoài ra trên Sở giao dịch cũng chưa có cổ phiếu của doanh nghiệp sợi niêm yết, vì thế nếu niêm yết thành công, cổ phiếu của Công ty có thể là hàng hóa hấp dẫn nhà đầu tư trong giai đoạn mới ra thị trường.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành**

Việt Nam hiện là nước xuất khẩu dệt may lớn thứ 5 trên thế giới - ngành dệt may là ngành kinh tế mũi nhọn với gần 4.000 doanh nghiệp, thu hút gần 2,5 triệu lao động. Mặc dù tình hình kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, giá trị xuất khẩu các sản phẩm dệt may của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng trong năm 2015 đạt 22,8 tỷ USD, tăng 9% so với năm 2014. Giá trị xuất khẩu các sản phẩm dệt may 10 tháng đầu năm 2016 đạt 19,7 tỷ USD, tăng 4,1%.

Trong 10 tháng đầu năm 2016, xuất khẩu dệt may của Việt Nam qua thị trường Mỹ tăng trưởng 4,4% đạt hơn 9,5 tỉ đô la Mỹ. Đó là thành tích đáng khích lệ trong điều kiện thị phần các nước xuất khẩu vào Mỹ đều giữ ổn định, thậm chí giảm nhẹ trong năm vừa qua. Không chỉ Hoa Kỳ, các thị trường trọng điểm khác của dệt may Việt Nam là EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, dệt may Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ổn định.

❖ **So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các công ty cùng ngành**

Tại thời điểm hiện tại, chưa có doanh nghiệp nào trong ngành sợi tiến hành niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán, vì thế các công ty đem ra so sánh chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dệt may và may mặc.

Tình hình tài chính tại 31/12/2015 của các công ty cùng ngành

Đơn vị tính: triệu đồng

| Doanh nghiệp | Mã CK | DTT | LNST | EPS cơ bản (VND) | P/E hiện tại | GTSS | ROE | SLCPNY |
|--|-------|-----------|---------|------------------|--------------|--------|-------|------------|
| Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè | NPS | 42.458 | 366 | 168 | 28,18 | 15.450 | 1,7% | 2.170.000 |
| Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc | TET | 41.077 | 13.638 | 2.391 | 10,28 | 12.810 | 23,9% | 5.702.940 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG | TNG | 1.925.407 | 75.343 | 3.624 | 5,04 | 14.590 | 25,5% | 20.788.427 |
| Công ty Cổ phần SX-TM May Sài Gòn | GMC | 1.501.804 | 68.167 | 5.876 | 6,88 | 19.920 | 58,3% | 11.641.070 |
| Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công | TCM | 2.791.895 | 153.530 | 3.124 | 6,74 | 18.110 | 31,2% | 49.099.501 |

| | | | | | | | | |
|----------------------------|-----|-----------|--------|-------|-------|--------|-------|------------|
| Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ | STK | 1.035.436 | 71.833 | 1.540 | 17,92 | 14.830 | 15,4% | 46.535.835 |
|----------------------------|-----|-----------|--------|-------|-------|--------|-------|------------|

Nguồn: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Hồ Chí Minh

11. Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014, 2015 và 9 tháng đầu năm 2016

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2014 | Năm 2015 | % tăng giảm | 9 tháng đầu năm 2016 |
|--|----------|-----------|-------------|----------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 561.702 | 1.476.333 | 162,8% | 1.579.111 |
| Vốn chủ sở hữu | 150.000 | 500.000 | 233,3% | 500.000 |
| Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước | 27.253 | 23.059 | -15,4% | 23.036 |
| Doanh thu thuần | 839.020 | 962.846 | 14,8% | 822.989 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 77.962 | 120.014 | 53,9% | 68.650 |
| Lợi nhuận khác | 4.170 | 12.692 | 204,4% | 1.531 |
| Lợi nhuận trước thuế | 42.808 | 79.322 | 85,3% | 19.139 |
| Lợi nhuận sau thuế | 42.098 | 69.882 | 66,0% | 19.139 |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu | 28,06% | 20,53% | -23,4% | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | - | 9,5% | | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC Q3/2016)

12. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2014 | Năm 2015 | 9 tháng 2016 |
|--|------|----------|----------|--------------|
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 3,03 | 1,44 | 1,69 |
| - Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 2,77 | 0,99 | 1,16 |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,48 | 0,41 | 0,63 |
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 1,77 | 1,32 | 1,70 |
| <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Bình quân hàng tồn kho) | Vòng | 8,06 | 7,93 | 3,72 |
| - DTT/Tổng tài sản bình quân | Lần | 1,53 | 0,94 | 0,53 |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | | |

| | | | | |
|---|---|--------|--------|-------|
| - Hệ số LNST/DTT | % | 5,02% | 7,25% | 2,41% |
| - ROE (hệ số LNST/VCSH bình quân) | % | 28,06% | 20,57% | 3,51% |
| - ROA (LNST/tổng TS bình quân) | % | 7,70% | 6,86% | 1,29% |
| - Hệ số LNT từ hoạt động kinh doanh/DTT | % | 4,61% | 6,92% | 3,96% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 và 2015, BCTC quý 3/2016.

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2016, năm 2015 và các năm trước cũng như tình hình kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2018 với các chỉ tiêu như sau:

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2016 - 2018

Đơn vị: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-----|---|-----------|-----------|-----------|
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 500.000 | 500.000 | 500.000 |
| 2. | Doanh thu thuần | 1.100.000 | 1.481.512 | 1.690.315 |
| 3. | Lợi nhuận sau thuế | 50.855 | 82.227 | 125.879 |
| 4. | EPS | 1.017 | 1.685 | 2.518 |
| 5. | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn góp chủ sở hữu | 10,2% | 18,6% | 25,2% |
| 6. | Tỷ lệ cổ tức/ vốn điều lệ | 10% | 10% | 10% |

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

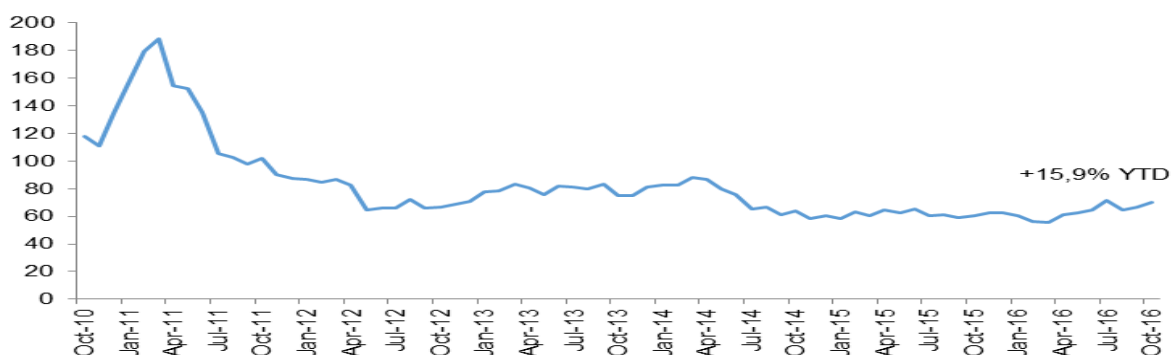
14. Một số rủi ro lớn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty:

Bên cạnh những rủi ro về kinh tế, rủi ro về luật pháp nói chung, rủi ro bất khả kháng,... Công ty còn có **rủi ro đặc thù ngành** gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh như sau:

❖ Rủi ro từ biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào

Với lĩnh vực sản xuất sợi, bông là nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng 70% giá thành sợi thành phẩm. Tuy nhiên, bông là sản phẩm nông nghiệp do đó chất lượng, số lượng và giá cả bông phụ thuộc vào vụ mùa, thời tiết, chính sách điều tiết sản lượng cung ứng của các khu vực lớn trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Châu Phi ... Giá bông biến động liên tục theo ngày và tương đối khó dự đoán, trong quá khứ, giá bông có mức biến động bất thường và có thời điểm đạt đỉnh 195,7 cents/pound vào tháng 3/2011 và liên tục giảm xuống mức 56,38 cents/pound tháng 3/2016. Trong khi đó các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải nhập khẩu tới 90% lượng bông phục vụ sản xuất do chúng ta chưa có vùng trồng bông rộng và đủ sản lượng đáp ứng.

Biến động giá bông thế giới năm 2010 – 2016



Nguồn: Bloomberg

Đây là một rủi ro đặc thù của Công ty trong trường hợp giá bông thế giới tăng/ giảm đột biến khi các đơn hàng đã ký kết theo giá giao ngay. Nhằm giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Fortex đã chủ động mở rộng nguồn cung cấp nguyên vật liệu, từ các thị trường Tây Phi, Bắc Mỹ và Ấn Độ, để không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhà cung cấp nào.

Ngoài ra Công ty cũng chủ động điều chỉnh giá bán dựa theo giá nguyên vật liệu đầu vào tại từng thời điểm khác nhau. Với một số mặt hàng đặc biệt, Công ty đã có hợp đồng dài hạn với các khách hàng, ổn định về giá bán ở mức cao, hạn chế rủi ro từ việc biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào.

❖ **Rủi ro cạnh tranh**

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hong Kong), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vinatex, Đông Quang, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã có hơn 100 nhà máy kéo sợi thuộc 80 doanh nghiệp với năng lực thiết bị khoảng 6 triệu cọc sợi, cung cấp khoảng 680.000 tấn sợi/năm. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, giá bán diễn ra gay gắt.

Không chỉ thế, việc Hiệp định TPP và các hiệp định thương mại tự do khác được kỳ vọng ký kết trong năm 2015 sẽ không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may vì họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới (cả trong nước và nước ngoài) thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

Lường trước các rủi ro này, Fortex đã lên kế hoạch chủ động đầu tư, nâng cao hiệu suất sản xuất và phát triển các sản phẩm chuyên biệt, nhằm tối ưu dây chuyền sản xuất công nghệ hiện đại sẵn có và tạo ra sự khác biệt trên thị trường.

❖ **Rủi ro biến động của giá dầu mỏ**

Ngành sản xuất sợi gồm hai chủng loại đó là sợi được chế biến từ bông là sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm sợi được chế biến từ sợi nhân tạo được làm từ dầu mỏ. Việc tăng

giảm giá dầu mỏ cũng làm ảnh hưởng đến giá bán của sản phẩm sợi thiên nhiên. Có thể nói, giá cả của sản phẩm sợi sẽ biến động theo tỷ lệ thuận của giá dầu, trong các năm lại đây giá dầu thô của thế giới liên tục giảm đã tác động trực tiếp để giá bán của ngành sợi thiên nhiên. Tuy nhiên, đến nay giá dầu thô đã đi vào ổn định trở lại, cùng với việc tổ chức các nước sản xuất dầu mỏ đã hợp và thống nhất giảm sản lượng đó là tin vui cho ngành sản xuất sợi tự nhiên.

❖ **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu hay các giao dịch ngoại tệ. Trong năm 2015, tỷ giá đã tăng kịch trần 5 % trong biên độ cho phép.

Hiện nay mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sử dụng nhiều ngoại tệ để nhập nguyên vật liệu đầu vào nhưng do hơn 60% sản phẩm của Công ty xuất khẩu ra nước ngoài nên Công ty có thể chủ động ổn định nguồn ngoại tệ (chủ yếu là USD), đảm bảo cân bằng thanh toán. Ngoài ra, để hạn chế ảnh hưởng và rủi ro của biến động tỷ giá đến lợi nhuận, Công ty đã đề ra chính sách quản lý chặt chẽ, đa dạng hóa nguồn cung cấp từ các nước và có kế hoạch xuất nhập khẩu ổn định.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo thông tin chi tiết trong Bản cáo bạch niên yết của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân.